

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2025/HS-PT
Ngày: 09-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công T, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 469/2025/TLPT-HS ngày 05/6/2025, đối với bị cáo Lê Quang H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2025/QĐXXPT-HS ngày 22/8/2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Quang H**, sinh ngày 01/01/2003, tại tỉnh Quảng Trị; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã T, huyện H - nay là xã T, tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: 1 T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế - nay là phường A, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Sinh viên năm thứ 4, khoa T2, Trường Đại học N; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lê Quang S và bà Nguyễn Thị H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2024, đến ngày 25/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang H: Luật sư Nguyễn Thiên P - Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

* Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phu Chí L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp Công an xã P, huyện N kiểm tra hành chính nơi ở của Phu Chí L tại phòng số 213A, nhà trọ số I, Ấp A, xã P, huyện N, phát hiện và thu giữ 3.770.000 đồng tiền giả (tổng cộng 754 tờ, loại mệnh giá 5.000 đồng) (Kết luận giám định số 8358/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng K Công an Thành phố H).

Ngày 12/7/2024, Phu Chí L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, để điều tra. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định giữa tháng 6/2024, Phu Chí L sử dụng tài khoản Telegram tên “Black Tiger” đăng nhập vào nhóm “tiền giả (X)”, để tìm mua tiền giả, bán lại kiếm lời thì phát hiện tài khoản tên “Tokuda” của Hoàng Văn Q đăng tin bán tiền giả, nên L nhắn tin trao đổi với Q về việc mua tiền giả của Q. Sau đó, L sử dụng tài khoản Zalo tên “C” kết bạn với tài khoản Zalo tên “Tokuda” của Q để thực hiện việc mua bán tiền giả, Q cho L biết chỉ bán tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, giá 1.000.000 đồng mua được 2.000.000 đồng tiền giả, L đồng ý, 02 lần đặt mua tiền giả của Q, cụ thể là:

Lần thứ nhất: Ngày 15/6/2024, L đặt mua của Q 2.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, giá 1.000.000 đồng và cho Q số điện thoại 0866581584, địa chỉ nhận tiền giả tại địa chỉ số B L, Ấp E, xã P, huyện N. Đến ngày 17/6/2024, L nhận được 2.000.000 đồng tiền giả mua của Q (gửi từ phòng trọ của Q tại Ngõ D, Tổ A, Khu C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) và đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ngày 20/6/2024, L tiếp tục đặt mua của Q 9.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, giá 3.000.000 đồng, L thỏa thuận chuyển khoản trả trước 2.000.000 đồng, khi nhận được tiền giả sẽ trả tiếp 1.000.000 đồng còn lại. Ngày 26/6/2024, Q thông báo đã đóng gói 9.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá

5.000 đồng, gửi Nhà xe Đ (chạy tuyến Quảng Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh) vận chuyển vào Bến xe M (địa chỉ số B Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) cho L, nên L chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M1 số 0389354916 tên “NGUYEN VAN HUY” do Q cung cấp.

Ngày 28/6/2024, nhân viên nhà xe Đ gọi điện thoại cho L ra Bến xe M nhận gói hàng có tiền giả do Q gửi, nhưng L nói nhân viên Nhà xe Đ giao đến chỗ ở của L (nhà trọ số 915/25/5/8 Lê Văn L1, Ấp A, xã P, huyện N) và trả thêm tiền phí. Sau khi nhận được 9.000.000 đồng tiền giả, L chuyển tiếp 1.000.000 đồng còn lại cho Q vào tài khoản Ngân hàng M1 số 0389354916 tên “NGUYEN VAN HUY” do Q cung cấp.

Sau khi mua 9.000.000 đồng tiền giả của Q, L đã sử dụng 45 tờ, loại mệnh giá 5.000 đồng (tương đương 225.000 đồng) để tiêu xài cá nhân và bán lại cho Lê Quang H, Nguyễn Khánh D, cụ thể là:

1. Hành vi “Lưu hành tiền giả” do Phu Chí L và Nguyễn Khánh D thực hiện:

Ngày 03/7/2024, L sử dụng tài khoản tên “Lộc Tango” đăng nhập vào mạng xã hội T1, thì tài khoản tên “Duy Khánh” của Nguyễn Khánh D sử dụng, nhắn tin trao đổi, đặt mua tiền giả, L cho biết bán tiền giả, loại mệnh giá 5000 đồng với tỉ lệ 1/2,5 (tức là 1.000.000 đồng mua được 2.500.000 đồng tiền giả), D đồng ý, đặt mua 2.500.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, giá 1.000.000 đồng, để sử dụng. L thông báo cho D biết tiền giả đóng gói dạng bưu phẩm, thanh toán bằng hình thức “thu hộ” thông qua dịch vụ giao hàng tiết kiệm. D cho L thông tin người nhận tiền giả là “D”, số điện thoại 0327527335, địa chỉ nhận hàng “Công chợ K1, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang”.

Ngày 04/7/2024, L báo cho D biết là đã chuyển tiền giả cho D theo thỏa thuận. Đến ngày 08/7/2024, nhân viên dịch vụ giao hàng tiết kiệm tại tỉnh Tuyên Quang báo L biết là không giao được hàng cho D do số điện thoại ghi trên đơn hàng không liên lạc được và yêu cầu cung cấp số điện thoại khác, nếu không sẽ trả lại hàng, nên L liên lạc với D và được D cho lại số điện thoại 0327527334, L cho số điện thoại 0359129815 của nhân viên giao hàng để D chủ động liên lạc nhận tiền giả. Lúc 12 giờ ngày 09/7/2024, tại Khu S, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, D nhận gói bưu phẩm có tiền giả của L gửi, do thấy có nhiều tờ tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng không sắc nét, hình ảnh mờ, trùng số seri, sợ không tiêu thụ được, nên D đóng gói bưu phẩm, trả lại cho nhân viên giao hàng với lý do chưa đủ tiền lấy hàng và hẹn đến chiều giao lại. Đến 14 giờ cùng ngày 09/7/2024, nhân viên giao hàng liên hệ lại với D thì D nói không lấy đơn hàng này nữa.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H đã thu giữ gói bưu kiện mã số 1852351731 của Phu Chí L đã gửi cho Nguyễn Khánh D có 2.475.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng (tổng cộng 495 tờ).

Kết luận giám định số 9008/KL-KTHS ngày 01/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận 495 tờ giấy bạc mệnh giá 5000 đồng là tiền giả.

2. Hành vi “Lưu hành tiền giả” do Phu Chí L và Lê Quang H thực hiện:

Ngày 05/7/2024, L sử dụng tài khoản tên “Lộc Tango” đăng nhập mạng xã hội Telegram, thì H mượn điện thoại di động của bạn là Nguyễn Hữu H2 và sử dụng tài khoản Telegram của H2 (không nhớ tên tài khoản) nhắn tin đặt mua tiền giả của L, loại mệnh giá 5.000 đồng, với tỉ lệ 1/2.5 (tức là 1.000.000 đồng mua được 2.500.000 đồng tiền giả). Sau đó, tài khoản T1 “Huy Huy” của H được mở, thì H sử dụng tài khoản này nhắn tin với tài khoản T1 “Lộc Tango” của L, đặt mua của L 2.500.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, giá 1.000.000 đồng. L thông báo cho H tiền giả đóng gói dạng bưu phẩm, thanh toán bằng hình thức “thu hộ” thông qua dịch vụ giao hàng tiết kiệm. H cho L thông tin người nhận tiền giả là “Anh H”, số điện thoại 0795566175; địa chỉ số A T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến ngày 08/7/2024, L báo cho H biết là đã chuyển tiền giả cho H theo thỏa thuận.

Đến ngày 10/7/2024, do chưa nhận được tiền giả nên H nhắn tin hỏi L, nhưng L không trả lời. Do cần tiền để về quê nên H gọi vào tổng đài của dịch vụ giao hàng tiết kiệm và được cho số điện thoại của nhân viên giao hàng tại thành phố H. H liên lạc với nhân viên giao hàng thì được thông báo là đơn hàng của H bị trễ hạn. Đến ngày 12/7/2024, H tiếp tục gọi điện thoại cho nhân viên giao H3 Chi nhánh N1, thành phố H, nhưng nhân viên này không nghe máy nên H nhắn tin cho L hỏi, nhưng L không trả lời. Sau đó, H nghỉ hè về ở nhà tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đến ngày 17/7/2024, nhân viên giao hàng gọi cho H để nhận hàng tại địa chỉ số A T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng do đang ở quê, nên H hẹn sẽ nhận bưu phẩm vào đầu tháng 8/2024.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H đã thu giữ gói bưu kiện mã số 1872350623 của Phu Chí L gửi cho Lê Quang H có 2.530.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng (tổng cộng 506 tờ).

Ngày 19/7/2024, Lê Quang H bị Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, để điều tra.

Kết luận giám định số 8641/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận 506 tờ giấy bạc mệnh giá 5.000 đồng là tiền giả.

Tại Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H, Phu Chí L, Nguyễn Khánh D và Lê Quang H khai nhận hành vi như trên, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Khánh D sinh ngày 12/11/2008, kết quả điều tra xác định tính đến ngày phạm tội là ngày 04/7/2024, D chưa đủ 16 tuổi, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Đối với Hoàng Văn Q đã thực hiện hành vi bán 11.000.000 đồng tiền giả cho Phu Chí L, nhưng đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N khởi tố, tạm giam để điều tra về tội “Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả” trong vụ án khác nên Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H chuyển tài liệu liên quan về hành vi bán 11.000.000 đồng tiền giả của Q cho L đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N để điều tra, xử lý chung đối với Q.

Đối với bà Phạm Thị M (bà ngoại của D), Nguyễn Hữu H2 (bạn của H), các nhân viên của dịch vụ giao hàng tiết kiệm và nhân viên Nhà xe Đ, kết quả điều tra xác định những người này không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của L, D và H nên không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSTPHCM-PI ngày 23/12/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Truy tố bị cáo Phu Chí Long về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Quang H về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phu Chí L 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Phu Chí L 10.000.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Quang H 03 (ba) năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ 19/7/2024, đến ngày 25/7/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 29/4/2025, bị cáo Lê Quang H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử; bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 năm tù là quá nặng so với hành vi của bị cáo, hiện bị cáo đang là sinh viên năm cuối, khoa Tiếng Anh, Trường Đại học N, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được tiếp tục đi học, làm người công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo H làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo H:

- Về tội danh: Kết quả điều tra đã thể hiện bị cáo H đã có hành vi mua của bị cáo L 2.530.000 đồng tiền giả để tiêu xài, nên bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, phạm tội chưa đạt, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo đang là sinh viên năm cuối, khoa Tiếng Anh, Trường Đại học N; có nơi cư trú rõ ràng; tại địa phương bị cáo và gia đình chấp hành tốt quy định của pháp luật, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo và có thời gian thử thách nhất định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo H phát biểu tranh luận: Bị cáo H không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo H xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quang H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo H, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Phu Chí L, lời khai của ông Nguyễn Hữu H2, phù hợp với Bản kết luận giám định số 86411/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phòng K - Công an Thành phố H, phù hợp với vật chứng thu giữ được; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để kết luận:

Ngày 05/7/2024, thông qua ứng dụng Telegram, Lê Quang H đã đặt mua của Phu Chí L 2.530.000 đồng tiền giả (tổng cộng 506 tờ giấy bạc mệnh giá 5.000 đồng) để tiêu xài cá nhân.

Lê Quang H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc mua tiền giả nhằm bất kỳ mục đích gì là phạm tội, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về tiền tệ, làm lũng đoạn nền kinh tế của quốc gia. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “*Lưu hành tiền giả*” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; cụ thể bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ.

Nhận thấy, bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo H không có tình tiết tăng nặng; sau khi đặt mua tiền giả từ bị cáo L, số tiền giả này được chuyển ra Huế nhưng bị cáo chưa nhận, chưa sử dụng nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự; hiện bị cáo là sinh viên năm cuối, khoa Tiếng Anh, Trường Đại học N; có nơi cư trú rõ ràng; tại địa phương, bản thân bị cáo và gia đình chấp hành tốt quy định của pháp luật. Như vậy, bị cáo H có đầy đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng

Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị cáo, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo và đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên đây.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang H phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao,

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Quang H cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Quang H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hoà;
- Các bị cáo;
- UBND xã Tân Lập, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

